

Số: 47/2017/QĐHNĐ-ST

Hòa Vang, ngày 03 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 168/2017/TLST-HNĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa:

- Người yêu cầu: Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà **Huỳnh Thị Kim A**, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Thị Kim A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Thị Kim A tự nguyện thuận tình ly hôn.

b) Về quan hệ con chung: Giao con Ngô Thị Thảo N, sinh ngày 05/02/2014 cho bà Huỳnh Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; ông Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết

vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

c) Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

d) Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng: Ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Thị Kim A, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (đã nộp xong theo biên lai số 0006539 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG